

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ -ST

Ngày 03 tháng 02 năm 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga và bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luận - Thẩm tra viên Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà XX, LND, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (có mặt);

Bị đơn: Chị Lương Thị Y, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12 tháng 10 năm 2020 và lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lương Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Lương Thị Y năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên (nay là xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên), tỉnh Vĩnh Phúc, do bị mất giấy chứng nhận kết hôn nên anh không nhớ ngày tháng kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh tại Thôn Đ, xã Thanh Trù, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con, đến tháng 8/2019 thì vợ chồng mâu thuẫn càng tăng. Nguyên nhân do sau khi xây dựng gia đình cho con gái lớn thì kinh tế không bù đắp các khoản chi. Số tiền mừng đám cưới và ảnh, thư của bạn bè là những vật kỷ niệm của anh từ khi đi bộ đội và thời sinh viên lưu giữ từ trước năm 2000, cất ở trong tủ, chị Y đã lấy toàn bộ và thay khóa cửa không cho anh vào nhà. Sau khi chị Y lấy được các vật kỷ niệm trên của anh thì chị nghi ngờ

anh có quan hệ với người phụ nữ khác, chị nhấn tin xúc phạm anh. Ngoài ra về cách cư xử trong cuộc sống hàng ngày chị Y có mâu thuẫn với bố mẹ anh, chị có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng bố mẹ chồng. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8/2019 cho đến nay. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị Y .

Bị đơn chị Lương Thị Y tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020 chị Y trình bày: Chị kết hôn với anh Lương Văn T ngày 26/11/1993 (âm lịch) trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên (nay là xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh T , đến năm 1995 vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến tháng 8/2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (tên là Nguyễn Thị Liên ở Cẩm Phả, Quảng Ninh), chị không biết tuổi và địa chỉ cụ thể của chị Liên. Chị cho rằng anh T có quan hệ bất chính với chị Liên được thể hiện trong lá thư của chị Liên viết cho anh T từ năm 1998. Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng về việc chi phí cho đám cưới con gái của anh chị. Sau đám cưới anh T đã thu giữ toàn bộ tiền phong bì mừng đám cưới của cơ quan cũng như bạn bè của anh và không có trách nhiệm chi trả chi phí cho đám cưới. Vì vậy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Anh T công tác xa nhà, từ khi xảy ra mâu thuẫn những ngày nghỉ lễ, nghỉ tết anh không về chung sống với chị mà về ở với bố mẹ anh, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8/2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn kéo dài và không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì hiện nay cháu M (con trai của anh chị) đang học đại học, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi cháu M đến khi cháu ra trường.

Về con chung: Anh T và chị Y xác nhận vợ chồng có hai con chung là Lương Thị Thu P , sinh năm 1995 và Lương Văn M , sinh năm 2000, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Anh T và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Lương Văn T được ly hôn chị Lương Thị Y ; về con chung, tài sản chung, vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T kết hôn với chị Y trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Quất Lưu (nay là xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8/2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc lo chi phí cho đám cưới con gái của anh chị, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Ngoài ra chị Y nghi ngờ anh T có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác nên chị đã lấy quần áo, các vật kỷ niệm của anh T như: Thư, ảnh và tiền mừng đám cưới của anh T để trong tủ, thay khóa cửa không cho anh T vào nhà. Lời khai của chị Y cho rằng anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng M nên lời khai của chị Y là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về việc chị Y đề nghị đoàn tụ để nuôi dạy con chung là cháu M đến khi cháu học xong đại học. Tòa án đã triệu tập anh chị đến Tòa án để hòa giải, tuy nhiên chị Y không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện việc chị Y đề nghị đoàn tụ là không đúng thực tâm mong muốn. Xác M về quan hệ hôn nhân của anh T và chị Y tại xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên được địa P cung cấp. Anh T và chị Y đã mâu thuẫn căng thẳng. Trong cuộc sống gia đình chị Y có những lời nói và cư xử chưa đúng đạo lý của một người con dâu đối với bố mẹ chồng. Nay anh T và chị Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị Y.

[4] Về con chung: Anh T và chị Y xác nhận vợ chồng có hai con chung là Lương Thị Thu P, sinh năm 1995 và Lương Văn M, sinh năm 2000, hiện nay các cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức: Anh T và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho anh Lương Văn T được ly hôn chị Lương Thị Y

2. Về con chung: Anh T và chị Y có hai con chung là Lương Thị Thu P, sinh năm 1995 và Lương Văn M, sinh năm 2000, hiện nay các cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007091 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, anh T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự ;
- UBND xã Thanh Trù (ĐKKH năm 1993);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TL - TA

Vĩnh Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Tại Bản án số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giữa:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn T , sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 25, LND , phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lương Thị Y , sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ , xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho anh Lương Văn T được ly hôn chị Lương Thị Y
2. Về con chung: Anh T và chị Y có hai con chung là Lương Thị Thu P , sinh năm 1995 và Lương Văn M , sinh năm 2000, hiện nay các cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Anh Lương Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh T đã nộp đủ án phí

Nơi nhận:

- Anh Lương Văn T ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đường

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Số: 05 /TL - TA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Yên, ngày 03 tháng 02 năm 2021

